

Số: **30/2020/QĐ-UBND**

Trà Vinh, ngày **30** tháng 12 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
**Ban hành Quy chế quản lý cụm công nghiệp
trên địa bàn tỉnh Trà Vinh**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 68/2017/NĐ-CP ngày 25/5/2017 của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 66/2020/NĐ-CP ngày 11/6/2020 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 68/2017/NĐ-CP ngày 25/5/2017 của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 28/2020/TT-BCT ngày 16/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định, hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 68/2017/NĐ-CP ngày 25/5/2017 của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp và Nghị định số 66/2020/NĐ-CP ngày 11/6/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 68/2017/NĐ-CP;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày 11/01/2021 và thay thế Quyết định số 20/2018/QĐ-UBND ngày 25/6/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy chế phối hợp quản lý cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Công Thương, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Giao thông vận tải, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Thủ trưởng các cơ quan cấp tỉnh có liên quan; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành

phổ và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Công Thương;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư Pháp;
- TT.TU, TT.HĐND;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Sở Tư pháp;
- BLEVP UBND tỉnh;
- Công TTĐT tỉnh;
- Trung tâm Tin học - Công báo;
- Lưu: VT, Phòng CNXD. 06

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Trung Hoàng

QUY CHẾ

Quản lý cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Trà Vinh
(Ban hành kèm theo Quyết định số **30** /2020/QĐ-UBND
ngày **30**/12/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về một số nội dung phối hợp trong quản lý nhà nước về cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp

a) Các doanh nghiệp, hợp tác xã, đơn vị đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp.

b) Các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện được giao nhiệm vụ làm chủ đầu tư hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp.

c) Đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Công Thương.

2. Đơn vị sản xuất kinh doanh trong cụm công nghiệp: Các doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, cơ sở sản xuất hộ gia đình, cá nhân vào đầu tư sản xuất kinh doanh trong cụm công nghiệp hoặc di dời vào cụm công nghiệp.

3. Các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan đến hoạt động quản lý cụm công nghiệp.

Điều 3. Nguyên tắc và phương thức phối hợp

1. Nguyên tắc phối hợp

a) Thiết lập mối quan hệ phối hợp chặt chẽ, trách nhiệm giữa Sở Công Thương với các sở, ban, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện để nâng cao hiệu quả hoạt động quản lý nhà nước đối với cụm công nghiệp.

b) Thực hiện cơ chế quản lý thống nhất từ một đầu mối, khắc phục tình trạng ách tắc do chồng chéo gây phiền hà cho chủ đầu tư và doanh nghiệp.

c) Các doanh nghiệp thực hiện đầu tư, triển khai dự án và hoạt động trong cụm công nghiệp chấp hành nghiêm các quy định của pháp luật; đồng thời tuân thủ, thực hiện theo đúng Quy chế này, Sở Công Thương và các cơ quan chức năng có trách nhiệm tiếp nhận và trả lời kiến nghị, phản ánh của doanh nghiệp trong cụm công nghiệp đúng thời gian quy định.

2. Phương thức phối hợp

Tùy theo tính chất, trong quá trình thực hiện sẽ do một cơ quan chủ trì và một hoặc nhiều cơ quan khác phối hợp giải quyết công việc.

a) Đối với cơ quan chủ trì

- Tổ chức họp với các cơ quan phối hợp để lấy ý kiến tham gia.
- Trường hợp đơn vị chủ trì tổ chức lấy ý kiến của các cơ quan phối hợp bằng văn bản; cơ quan được lấy ý kiến phải có ý kiến trả lời bằng văn bản theo đúng thời gian quy định và chịu trách nhiệm về những nội dung góp ý.
- Sau khi triển khai lấy ý kiến, hướng dẫn, xử lý kiến nghị liên quan đến cụm công nghiệp, cơ quan chủ trì gửi cho Sở Công Thương 01 (một) bản đề tổng hợp thông tin và phối hợp thực hiện.
- Tổ chức đoàn khảo sát, điều tra các hoạt động liên quan đến dự án đầu tư, phát triển cụm công nghiệp.
- Cung cấp thông tin về những vấn đề có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan phối hợp.

b) Đối với cơ quan phối hợp

- Có trách nhiệm tham gia góp ý tại cuộc họp và chịu trách nhiệm về ý kiến góp ý của mình. Trường hợp không thể tham dự cuộc họp, cơ quan phối hợp gửi ý kiến bằng văn bản đến cơ quan chủ trì. Nếu cơ quan phối hợp không gửi ý kiến thì được xem như thống nhất và chấp hành nội dung kết luận của cuộc họp.
- Khi được lấy ý kiến bằng văn bản, cơ quan phối hợp có trách nhiệm trả lời bằng văn bản trong thời hạn quy định. Nếu quá thời hạn trên, cơ quan được lấy ý kiến không có văn bản trả lời thì được xem như đã đồng ý và phải chịu trách nhiệm xử lý nội dung công việc liên quan đến chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao.
- Các hồ sơ thủ tục đầu tư cụm công nghiệp khi được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; đơn vị tham mưu có trách nhiệm gửi Sở Công Thương 01 (một) bộ đề phối hợp, theo dõi.

Chương II **QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ CỤM CÔNG NGHIỆP**

Điều 4. Phương án phát triển cụm công nghiệp

Thực hiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 1 Nghị định số 66/2020/NĐ-CP ngày 11/6/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 68/2017/NĐ-CP ngày 25/5/2017 của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp (gọi tắt là Nghị định số 66/2020/NĐ-CP ngày 11/6/2020 của Chính phủ).

Điều 5. Điều chỉnh Phương án phát triển cụm công nghiệp

Thực hiện theo quy định tại Khoản 5, 6 Điều 1 Nghị định số 66/2020/NĐ-CP ngày 11/5/2020 của Chính phủ.

Điều 6. Thành lập, mở rộng cụm công nghiệp

1. Thành lập, mở rộng cụm công nghiệp: Thực hiện theo quy định tại Điều 10, 11, 12, 13, 14 Nghị định số 68/2017/NĐ-CP ngày 25/5/2017 của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp (gọi tắt là Nghị định số 68/2017/NĐ-CP ngày 25/5/2017 của Chính phủ) và Khoản 8 Điều 1 Nghị định số 66/2020/NĐ-CP ngày 11/6/2020 của Chính phủ.

2. Trách nhiệm của cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp

a) Cơ quan chủ trì

- Ủy ban nhân dân cấp huyện: Chủ trì, phối hợp với doanh nghiệp, hợp tác xã hoặc đơn vị được giao nhiệm vụ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật lập hồ sơ thành lập, mở rộng cụm công nghiệp đảm bảo các điều kiện và nội dung theo quy định tại Điều 10, 11, 12 Nghị định số 68/2017/NĐ-CP ngày 25/5/2017 của Chính phủ và Khoản 8 Điều 1 Nghị định số 66/2020/NĐ-CP ngày 11/5/2020, gửi Sở Công Thương để chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành tỉnh có liên quan tổ chức thẩm định.

- Sở Công Thương có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ theo quy định tại Khoản 2 Điều 11, Khoản 3 Điều 12 và Điều 13 Nghị định số 68/2017/NĐ-CP ngày 25/5/2017 của Chính phủ.

b) Cơ quan phối hợp

- Sở Kế hoạch và Đầu tư: Phối hợp với Sở Tài chính, Sở xây dựng đánh giá năng lực tài chính, kinh nghiệm của chủ đầu tư; đánh giá tư cách pháp lý của chủ đầu tư; kế hoạch, tiến độ thu hút đầu tư của cụm công nghiệp.

- Sở Tài nguyên và Môi trường: Phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện đánh giá và giải quyết các nội dung liên quan đến hiện trạng sử dụng đất, cơ cấu sử dụng đất, phương án giải phóng mặt bằng, hỗ trợ tái định cư (nếu có); đánh giá hiện trạng môi trường, công tác quản lý môi trường, khả năng tiếp nhận chất thải xung quanh khu vực dự kiến thành lập, mở rộng cụm công nghiệp; yêu cầu chủ đầu tư báo cáo, dự báo những nguồn thải, tác động môi trường của các ngành, nghề dự kiến thu hút đầu tư vào cụm công nghiệp và phương án quản lý môi trường cụm công nghiệp.

- Sở Xây dựng: Tham gia ý kiến đánh giá khả năng đầu tư hạ tầng kỹ thuật bên trong và ngoài cụm công nghiệp.

- Sở Tài chính: Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư đánh giá tổng mức đầu tư, cơ cấu, khả năng cân đối, huy động các nguồn vốn đầu tư để thực hiện dự án, các ưu đãi, hỗ trợ đầu tư và điều kiện áp dụng (nếu có).

- Sở Giao thông vận tải, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các cơ quan có liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ của đơn vị mình có trách nhiệm

phối hợp thực hiện.

Điều 7. Quy hoạch chi tiết xây dựng cụm công nghiệp

1. Nội dung công tác tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt, công bố, quản lý quy hoạch chi tiết xây dựng cụm công nghiệp thực hiện theo quy định của pháp luật.

2. Trách nhiệm của cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp

a) Cơ quan chủ trì: Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm tổ chức thẩm định đề án quy hoạch và phê duyệt, đồng thời có trách nhiệm lấy ý kiến thống nhất bằng văn bản của Sở Xây dựng trước khi phê duyệt.

b) Cơ quan phối hợp

- Sở Công Thương: Tham gia ý kiến về mục tiêu, tính chất đề án quy hoạch, sự phù hợp với phương án phát triển cụm công nghiệp, ngành công nghiệp trên địa bàn tỉnh, sự phù hợp với báo cáo đầu tư thành lập, mở rộng cụm công nghiệp.

- Sở Xây dựng: Hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi có cụm công nghiệp thực hiện thủ tục có liên quan trong công tác quy hoạch chi tiết xây dựng cụm công nghiệp. Tham gia ý kiến về cách bố trí các phân khu chức năng, khả năng kết nối hạ tầng kỹ thuật trong và ngoài cụm công nghiệp.

- Sở Kế hoạch và Đầu tư: Tham gia ý kiến về mục tiêu, tính chất đề án quy hoạch, kế hoạch đầu tư hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp.

- Sở Tài nguyên và Môi trường: Tham gia ý kiến về cách bố trí hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật bảo vệ môi trường của cụm công nghiệp phù hợp với ngành nghề hoạt động của cụm công nghiệp và quy định về xử lý, xả nước thải vào nguồn nước theo quy định của pháp luật, cơ cấu sử dụng đất đai đối với các phân khu chức năng.

- Sở Giao thông vận tải: Tham gia ý kiến về công trình giao thông trong cụm công nghiệp, khả năng kết nối công trình giao thông ngoài cụm công nghiệp.

- Các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ của đơn vị có trách nhiệm phối hợp thực hiện.

Điều 8. Lập, thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp

1. Nội dung, thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp thực hiện theo quy định hiện hành của pháp luật.

2. Trách nhiệm của cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp

a) Cơ quan chủ trì: Sở Xây dựng có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Sở Công Thương và các cơ quan, đơn vị có liên quan hướng dẫn nội dung, thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật

cụm công nghiệp.

b) Cơ quan phối hợp: Các sở, ban, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện và đơn vị có liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ của đơn vị mình có trách nhiệm phối hợp thực hiện.

c) Chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp: Lập dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp trình Sở Xây dựng thẩm định theo quy định.

Điều 9. Lập, thẩm định, phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp

1. Cơ quan chủ trì: Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm hướng dẫn chủ đầu tư dự án lập báo cáo đánh giá tác động môi trường (nếu có) theo quy định.

2. Cơ quan phối hợp: Các sở, ban, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện và đơn vị có liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ của đơn vị có trách nhiệm phối hợp thực hiện.

3. Chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp: Lập báo cáo đánh giá tác động môi trường, gửi Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt theo quy định.

Điều 10. Thu hồi đất, cho thuê đất đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp

1. Trường hợp chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp là doanh nghiệp, hợp tác xã

a) Chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp lập thủ tục đề nghị cơ quan có thẩm quyền thực hiện thu hồi đất và cho thuê đất theo quy định. Trường hợp doanh nghiệp, hợp tác xã ứng tiền bồi thường, giải phóng mặt bằng thì được trừ vào tiền thuê đất theo quy định.

b) Sau khi được Nhà nước cho thuê đất đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng cụm công nghiệp, chủ đầu tư thực hiện cho các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh thuê lại đất trong cụm công nghiệp theo quy định.

2. Trường hợp nhà nước đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp

a) Đơn vị được giao làm chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp làm thủ tục thu hồi đất, giải phóng mặt bằng và đầu tư xây dựng hạ tầng cụm công nghiệp.

b) Các doanh nghiệp lập hồ sơ xin thuê đất để cơ quan có thẩm quyền xem xét quyết định cho thuê đất sản xuất kinh doanh trong cụm công nghiệp theo quy hoạch.

3. Trách nhiệm của cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp

a) Cơ quan chủ trì: Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm hướng

dẫn, thực hiện việc thu hồi đất, cho thuê đất theo quy định của pháp luật.

b) Cơ quan phối hợp

- Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi có đất thu hồi để xây dựng cụm công nghiệp chủ trì, tổ chức thực hiện việc bồi thường, giải phóng mặt bằng cụm công nghiệp theo kế hoạch đầu tư xây dựng cụm công nghiệp.

- Các sở, ban, ngành tỉnh và đơn vị có liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ của đơn vị mình có trách nhiệm phối hợp thực hiện.

c) Chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp: Đăng ký nhu cầu sử dụng đất xây dựng cụm công nghiệp với Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi có Dự án đầu tư xây dựng cụm công nghiệp để đưa vào Kế hoạch sử dụng đất hàng năm, làm cơ sở thực hiện thu hồi đất theo quy định. Phối hợp, thực hiện chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ và tái định cư theo phương án bồi thường, giải phóng mặt bằng đã được phê duyệt.

Điều 11. Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp và tiếp nhận dự án đầu tư vào cụm công nghiệp

1. Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp

a) Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp không phải thực hiện thủ tục quyết định chủ trương đầu tư theo quy định tại Khoản 1 Điều 18 Nghị định số 68/2017/NĐ-CP.

b) Nội dung, thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng và Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

c) Khi lập dự án đầu tư xây dựng công trình, chủ đầu tư tiến hành đồng thời lập báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc kế hoạch bảo vệ môi trường của dự án. Nội dung, thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc xác nhận kế hoạch bảo vệ môi trường của dự án thực hiện theo quy định tại Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường; Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan.

2. Dự án sản xuất kinh doanh đầu tư vào cụm công nghiệp: Trình tự thực hiện các thủ tục hành chính về dự án đầu tư sản xuất kinh doanh trong cụm công nghiệp thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư.

3. Cấp phép xây dựng

a) Các công trình xây dựng trong cụm công nghiệp đã được phê duyệt quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 và được thẩm định thiết kế thì được miễn giấy phép xây dựng. Trong trường hợp này, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm thông báo thời điểm khởi công bằng văn bản kèm theo hồ sơ thiết kế xây dựng đến Ủy ban nhân dân cấp huyện để theo dõi, lưu hồ sơ.

b) Các trường hợp khác: Thực hiện theo Quyết định số 16/2018/QĐ-UBND ngày 08/5/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy chế phối hợp thực hiện cơ chế một cửa liên thông trong cấp phép xây dựng trên địa bàn tỉnh Trà Vinh; Quyết định số 31/2019/QĐ-UBND ngày 12/12/2019 sửa đổi nội dung Mục C, Điều 8 của Quy chế phối hợp thực hiện cơ chế một cửa liên thông trong cấp phép xây dựng trên địa bàn tỉnh Trà Vinh ban hành kèm theo Quyết định số 16/2018/QĐ-UBND ngày 08/5/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 12. Quản lý các dịch vụ công cộng, tiện ích

Thực hiện theo quy định tại Điều 19 Nghị định số 68/2017/NĐ-CP ngày 25/5/2017 của Chính phủ.

Điều 13. Quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh, công tác thông tin báo cáo

1. Quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh: Thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 26 Nghị định số 68/2017/NĐ-CP ngày 25/5/2017 của Chính phủ.

2. Công tác thông tin báo cáo: Thực hiện theo quy định tại Điều 9 Thông tư số 28/2020/TT-BCT ngày 16/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định, hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 68/2017/NĐ-CP ngày 25/5/2017 của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp và Nghị định số 66/2020/NĐ-CP ngày 11/6/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 68/2017/NĐ-CP.

Điều 14. Công tác thanh tra, kiểm tra

1. Nội dung thanh tra, kiểm tra

a) Hàng năm tổ chức thanh tra, kiểm tra, giám sát đối với chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp và tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh trong cụm công nghiệp về việc chấp hành pháp luật về đầu tư, xây dựng, sản xuất, kinh doanh, bảo vệ môi trường.

b) Thanh tra, kiểm tra, giám sát việc sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước được hỗ trợ phục vụ phát triển cụm công nghiệp đúng theo quy định.

2. Trách nhiệm các cơ quan thực hiện

a) Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện có liên quan tổng hợp kế hoạch thanh tra, kiểm tra hàng năm đối với các tổ chức, cá nhân đầu tư hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp, đầu tư sản xuất kinh doanh trong cụm công nghiệp, gửi về Thanh tra tỉnh tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt theo nguyên tắc không quá một lần

trong năm, trừ khi có dấu hiệu vi phạm pháp luật.

b) Các cơ quan có thẩm quyền thanh tra, kiểm tra có trách nhiệm thường xuyên phối hợp với Sở Công Thương thực hiện công tác phòng ngừa, xử lý các hành vi vi phạm pháp luật trong cụm công nghiệp.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 15. Điều khoản thi hành

1. Các sở, ban, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được giao và các quy định của pháp luật hiện hành tổ chức triển khai thực hiện Quy chế này.

2. Sở Công Thương thường xuyên theo dõi, đôn đốc, kiểm tra các cơ quan, đơn vị, địa phương trong việc triển khai thực hiện Quy chế này; định kỳ 6 tháng, năm hoặc đột xuất tổng hợp, báo cáo Bộ Công Thương, Ủy ban nhân dân tỉnh về tình hình triển khai thực hiện.

Điều 16. Sửa đổi, bổ sung Quy chế

Trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc các cơ quan, đơn vị, địa phương tổ chức, cá nhân kịp thời phản ánh về Sở Công Thương để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Trung Hoàng